

Bản án số: **440/2024/DS-PT**
Ngày 08 - 11 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ninh Quang Thế

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Đặng Minh Trung

- **Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 103/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 376/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ông Ngô Văn P**, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh C. (có mặt).

- **Bị đơn: Ông Trần Minh V**, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh C. (có mặt).

- **Người kháng cáo: Ông Ngô Văn P** là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:** Ngày 13/3/2020 ông có cho ông Trần Minh V vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận theo quy định pháp luật, trả lãi hàng tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Khi vay hai bên có lập hợp đồng và được công chứng chứng thực, ông V đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 010046

cho ông, sau khi vay ông V không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và vốn. Sau đó ông V yêu cầu ông đưa thêm một khoản tiền để chuyển nhượng phần đất tại thửa số 4 tờ bản đồ số 18, diện tích 355m², đất tọa lạc tại Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh C. do ông V đang quản lý và đã thế chấp theo hợp đồng vay, nên vào ngày 11/01/2023 ông đưa cho ông V số tiền 50.000.000 đồng, ngày 14/01/2023 ông đưa thêm 30.000.000 đồng và ngày 01/02/2023 đưa tiếp cho ông V 20.000.000 đồng, nhưng sau đó ông V không thực hiện việc chuyển nhượng phần đất trên. Nay ông yêu cầu ông V trả lại cho ông số tiền:

- Tiền gốc vay: 400.000.000 đồng theo hợp đồng vay;
- Tiền lãi tính từ ngày 13/3/2020 đến ngày 13/01/2024: $400.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 46 \text{ tháng} = 305.440.000 \text{ đồng}$;
- Tiền vốn vay thêm 03 lần bằng 100.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Ông đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 010046 cấp ngày 06/01/2005 cho ông V sau khi ông V thực hiện xong nghĩa vụ trả hết các khoản nợ trên.

* *Bị đơn ông Trần Minh V trình bày:* Trước đây ông có vay của ông Ngô Văn P số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, ông trả lãi được vài tháng nhưng không nhớ thời gian vay và đóng lãi. Đến ngày 13/3/2020, ông có vay của ông P thêm tổng cộng bằng 400.000.000 đồng (gồm 150.000.000 đồng vay trước và đưa thêm số tiền sau khi trừ khoản tiền lãi) để kinh doanh quán nhậu. Khi vay hai bên có lập hợp đồng có công chứng, vốn vay 400.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng (có làm giấy tay do ông P giữ) và ông có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thửa số 4, tờ bản đồ số 18, diện tích 355 m², đất tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau cho ông P. Sau khi vay ông có đóng lãi cho ông P được 03 tháng thì ngưng, sau đó ông có nhận thêm của ông P 03 lần bằng 100.000.000 đồng.

Nay ông đồng ý trả cho ông P số tiền vay 400.000.000 đồng, và 100.000.000 đồng đã nhận thêm; đối với lãi suất ông không đồng ý theo yêu cầu của ông P, ông yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi theo quy định của pháp luật và đối trừ số tiền lãi 48.000.000 đồng ông đã trả lãi cho ông P được 03 tháng sau khi vay và yêu cầu được nhận lại giấy chứng nhận QSDĐ.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn P đối với ông Trần Minh V. Buộc ông Trần Minh V có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Văn P số tiền 653.333.300 đồng (sáu trăm năm mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng) (trong đó: 400.000.000 đồng vốn vay có lãi, 100.000.000 đồng vốn vay không lãi và 153.333.300 đồng tiền lãi).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn P đối với ông Trần Minh V số tiền lãi là 152.106.700 đồng (một trăm năm mươi hai triệu một trăm linh sáu nghìn bảy trăm đồng).

3. Kể từ ngày ông P có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án nếu như ông V chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm phần lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

4. Buộc ông Ngô Văn P phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Minh V 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 010046 cấp ngày 06/01/2005 do ông Trần Quang Sang và bà Lý Thị Hương đứng tên giấy chứng nhận, ngày 20/11/2018 đã điều chỉnh sang tên cho ông Trần Văn Vững đứng tên giấy chứng nhận, phần đất thửa số 4, tờ bản đồ số 18, diện tích 355 m², đất tọa lạc tại Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh C. (bản gốc).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/8/2024, ông P kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông V yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, HĐXX và đương sự chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Về nội dung có căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của ông P là đúng, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự kiến nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 103/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức, về nội dung và thời hạn kháng cáo ông P thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 BLTTDS, được HĐXX xem xét yêu cầu kháng cáo của ông theo trình tự phúc thẩm. Về thẩm quyền, cấp sơ thẩm xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết đúng quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông P: Về số nợ vốn cả hai đương sự đều thống nhất ông V còn nợ ông P số tiền vốn có lãi là 400.000.000đ, tiền vốn không lãi là 100.000.000đ, không ai kháng cáo nhiều hay ít hơn, nên HĐXX không can thiệp điều chỉnh.

Về khoản lãi trên số tiền vốn 400.000.000đ mà ông P kháng cáo, quá trình kháng cáo ông P cung cấp biên nhận nợ do ông V viết, trong biên nhận này thể hiện mức lãi hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, trong khi đó ông V xác định ông vay với mức lãi 4%/tháng, cấp sơ thẩm xác định hai bên có tranh chấp về lãi suất nhưng lại cho rằng hai bên không cung cấp được chứng cứ, tài liệu chứng minh cho lời trình bày của mình nên lời trình bày của hai bên đương sự đều không có cơ sở nên không được Tòa án chấp nhận, là chưa phù hợp và mâu thuẫn với chính lời khai của hai đương sự, bởi hai đương sự đều khai việc vay có lãi nhưng không

thống nhất mức lãi với nhau, vì vậy cấp sơ thẩm tính lãi theo mức lãi 10%/năm quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS là không phù hợp. Theo biên nhận mà ông P cung cấp mức lãi thỏa thuận của hai bên được xác định là 2,5%/tháng cho nên trong trường hợp này phải áp dụng mức lãi 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS mới phù hợp, do đó kháng cáo của ông P được xem xét chấp nhận, tuy nhiên ông P kháng cáo yêu cầu tính theo mức lãi 1,66%/tháng thấp hơn mức lãi 20%/năm, đây là yêu cầu của ông mang tính tự nguyện và không vượt quá mức lãi quy định nêu trên nên được xem xét chấp nhận.

Như vậy số tiền lãi mà ông P yêu cầu được tính 400.000.000đ từ ngày 13/3/2020 đến ngày 13/01/2024 là 46 tháng x 400.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 305.440.000 đồng.

Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Do sửa án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của ông P nên án phí sơ thẩm được điều chỉnh lại, án phí phúc thẩm ông P không phải chịu theo quy định tại điều 147, 148 BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, các Điều 309, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn P. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn P. Buộc ông Trần Minh V có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Văn P số tiền 805.440.000 đồng (Tám trăm lẻ năm triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) (trong đó: 400.000.000 đồng vốn vay có lãi, 100.000.000 đồng vốn vay không lãi và 305.440.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày ông P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông V chậm thi hành khoản tiền trên, thì ông còn phải chịu thêm khoản lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong.

2. Ông Ngô Văn P phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Minh V 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 010046 cấp ngày 06/01/2005 do ông Trần Quang Sang và bà Lý Thị Hương đứng tên. Ngày 20/11/2018 giấy đã được điều chỉnh sang tên cho ông Trần Văn Vững, phần đất thửa số 4, tờ bản đồ số 18, diện tích 355 m², tọa lạc tại Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh C ..

3. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn Vững phải chịu 36.163.200 đồng (ba mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm đồng). Ông P không phải chịu, ngày

16/01/2024 ông đã nộp tạm ứng số tiền 18.082.000 đồng tại biên lai số 0015938 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được hoàn lại.

- Án phí phúc thẩm: Ông P không phải chịu, ngày 15/8/2024 ông đã dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 16399 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Quang Thế